

## ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP VÀ NGHỀ NGHIỆP CHO CON CÁI CỦA CƯ DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

HÀ THỨC DŨNG  
NGUYỄN NGỌC ANH

### TÓM TẮT

*Bài viết phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến mong muốn học tập và nghề nghiệp cho con cái của người dân Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả cho thấy, người dân mong muốn con cái học đến cao đẳng, đại học chiếm tỷ lệ rất cao. Trình độ học vấn của cha mẹ, mức sống của gia đình ảnh hưởng rất lớn đến việc định hướng học tập và nghề nghiệp cho con cái. Phần lớn người dân mong muốn con cái làm những nghề ổn định, mang tính kỹ thuật cao như kỹ sư, bác sĩ hay giáo viên. Tuy nhiên, giữa nông thôn và đô thị, giữa con trai và con gái có sự khác nhau trong việc định hướng nghề nghiệp. Đối với con trai người dân muốn con làm nghề có thu nhập cao, còn con gái làm những việc nhẹ nhàng, có tính ổn định cao.*

### 1. GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có nhiều điều kiện trong việc phát triển kinh tế. Ngoài những thuận lợi về tự nhiên đất đai rộng lớn, màu mỡ, là khu vực có tiềm năng phát triển về nông nghiệp, thì đây còn là một khu vực có nguồn lao động dồi dào.

Hà Thúc Dũng. Thạc sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Xã hội và Con người Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

Nguyễn Ngọc Anh. Trung tâm Nghiên cứu Xã hội và Con người Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến năm 2010 dân số của Đồng bằng sông Cửu Long là 17.727.200 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động khoảng 9.354.800 người chiếm khoảng 22% của cả nước (Niên giám Thống kê, 2010). Trong tổng số 9.354.800 người trong độ tuổi lao động chỉ có 10,2% được đào tạo nghề, số còn lại là lao động phổ thông. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục-Đào tạo, năm 2005 ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn 10% dân số trên 10 tuổi chưa biết chữ, còn khoảng 25% dân số trong độ tuổi học trung học phổ thông chưa đến trường lớp và tỷ lệ bỏ học của cấp học này lên đến 14-15%. Riêng nông thôn 45% người dân chưa hoàn tất cấp học nào; 32% tốt nghiệp tiểu học; 13,5% tốt nghiệp trung học cơ sở; 5,4% tốt nghiệp phổ thông trung học; 5,1% tốt nghiệp dạy nghề (Bộ Giáo dục-Đào tạo, 2005). Vậy đâu là nguyên nhân mà chất lượng nguồn nhân lực của vùng này lại thấp như vậy? Bài viết này đề cập đến việc định hướng học tập và nghề nghiệp của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng nguồn số liệu từ 900 hộ gia đình được khảo sát tại 13 tỉnh thành Đồng bằng sông Cửu Long của đề tài cấp Bộ "Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ" trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ "Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ"

do Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ thực hiện vào năm 2008.

Chúng tôi đi sâu phân tích ý kiến của người trả lời về mong muốn học tập và nghề nghiệp cho con cái họ. Trong đó, có 83,7% xác định rõ mong muốn cấp học cho con, 16,0% không xác định rõ và 0,3% không ý kiến.

Bài viết sử dụng phương pháp mô tả và so sánh để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mong muốn học tập, nghề nghiệp cho con cái của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, chúng tôi đi sâu phân tích các yếu tố như: học vấn, nghề nghiệp, điều kiện kinh tế-xã hội của hộ và địa bàn cư trú để xem những yếu tố nào tác động mạnh đến việc định hướng nghề nghiệp và học hành cho con cái của họ.

### 3. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MONG MUỐN HỌC TẬP CHO CON CÁI

#### 3.1. Mong muốn của cha mẹ đến việc học hành cho con cái

Số liệu thống kê gần đây cho thấy, nền giáo dục Việt Nam đã có nhiều phát triển rõ rệt, tỷ lệ học sinh đến trường tăng cao

và giảm nhanh số lượng học sinh bỏ học. Để đạt được những thành tựu đó, một phần nhờ sự đầu tư của Nhà nước về cơ sở hạ tầng, một phần khác do ý thức nâng cao học vấn cho con cái của người dân. Tuy nhiên, sự phát triển này không đồng đều giữa các khu vực và giữa các vùng khác nhau. Những khu vực như Bắc Bộ, Trung Bộ và Đông Nam Bộ thì chất lượng nguồn nhân lực cao hơn các khu vực Tây Nguyên, các tỉnh miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long. Vậy đâu là nguyên nhân khiến nguồn nhân lực Đồng bằng sông Cửu Long lại thấp như vậy?

Để hiểu hơn vấn đề này, chúng tôi phân tích mong muốn của người dân Đồng bằng sông Cửu Long đối với học vấn của con cái mình. Số liệu khảo sát cho thấy, có đến 78,2% mong muốn con cái của mình học từ cao đẳng, đại học trở lên, 19,05% mong muốn học hết cấp III và 2,3% mong muốn học hết cấp II. Từ kết quả trên cho thấy người dân nhận thức được vai trò của giáo dục trong việc nâng cao năng lực cho con cái họ. Nếu con cái họ có học vấn cao thì cơ hội tìm việc làm dễ dàng hơn và thu

Bảng 1. Mong muốn cấp học cho con trai và con gái, Tây Nam Bộ 2008

Mong muốn cấp học của con		Đô thị		Nông thôn		Chung	
		n	%	n	%	n	%
Cấp học con trai	Cấp II trở xuống	2	1,1	15	2,1	17	1,8
	Cấp III	23	12,8	151	21,0	174	19,4
	Cao đẳng, Đại học trở lên	155	86,1	554	76,9	709	78,8
Cấp học con gái	Cấp II trở xuống	3	1,7	30	4,2	33	3,7
	Cấp III	25	13,9	144	20,0	169	18,8
	Cao đẳng, Đại học trở lên	152	84,4	546	75,8	698	77,5

Nguồn: Bộ số liệu đề tài cấp Bộ "Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ" trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ "Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ".

nhập cũng cao hơn.

Những nghiên cứu trước chỉ ra rằng, tình trạng bất bình đẳng giới về giáo dục của nước ta đang giảm nhanh, nhưng vẫn còn ở mức khá cao so với các nước khác trên thế giới. Theo kết quả nghiên cứu của Lê Thúy Hằng, sự bất bình đẳng giới về giáo dục của cư dân Đồng bằng sông Hồng trong năm 2004 khoảng 1,2%. Trong đó, tỷ lệ bố mẹ mong muốn đầu tư cho con trai học cao đẳng, đại học là 61,2%, còn con gái chỉ 53,3% (Lê Thúy Hằng, 2006). Một nghiên cứu về học vấn của người lao động ở Việt Nam, cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa nam và nữ ở các cấp học phổ thông, nhưng ở bậc học từ cao đẳng đại học trở lên thì tỷ lệ nam cao gấp đôi nữ, tỷ lệ nữ học cao đẳng, đại học trở lên chiếm khoảng 2,7%, còn nam chiếm đến 4,5% (Nguyễn Thu Nguyệt, 2006).

Tuy nhiên, kết quả khảo sát ở 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cho thấy không có sự khác biệt nhiều trong việc mong muốn học vấn giữa con trai và con gái. Cụ thể người dân mong muốn cho con trai học đến cao đẳng, đại học trở lên chiếm 78,8% và con gái chiếm 77,6% và mong muốn con trai học đến cấp III chiếm 19,3% và 18,8% đối với con gái. Như vậy, chúng ta có thể nói rằng sự chênh lệch trong việc mong muốn đầu tư học hành giữa con trai và con gái của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Lê Thị Thúy ở đồng bằng sông Hồng.

Địa bàn cư trú là một trong những yếu tố tác động khá lớn trong việc tiếp cận giáo dục và đầu tư học tập của người dân. Những người sống ở khu vực đô thị thường đầu tư cho con cái học cao hơn

khu vực nông thôn (Lê Mạnh Năm, 2000). Nhưng ở Đồng bằng sông Cửu Long không hoàn toàn như vậy, kết quả khảo sát cho thấy có sự chênh lệch mong muốn học tập giữa nông thôn và đô thị nhưng không cao. Trong đó, những người sống ở đô thị muốn con trai học hết cao đẳng, đại học chiếm 86,1% và con gái là 84,4%, còn ở khu vực nông thôn muốn con trai học hết cao đẳng, đại học chiếm 76,9% và con gái chiếm 75,8%.

### 3.2. Đặc điểm kinh tế-xã hội của gia đình ảnh hưởng đến mong muốn học tập cho con cái

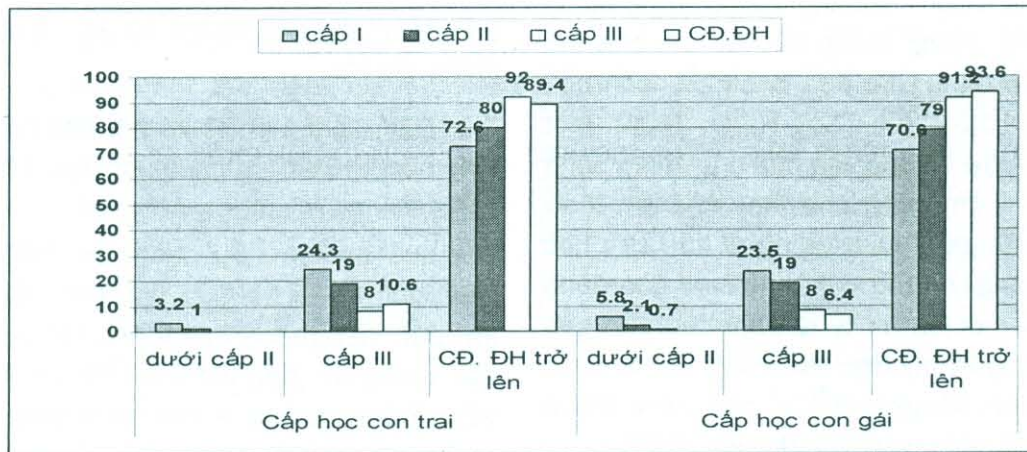
Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy điều kiện kinh tế xã hội của gia đình tác động lớn đến việc mong muốn học tập của con cái. Trong đó, học vấn của cha mẹ là một yếu tố ảnh hưởng mạnh trong việc mong muốn đầu tư học hành cho con. Khi phân tích về việc mong muốn đầu tư học hành cho con cái, Belanger (2004) cho rằng những gia đình nào cha mẹ có học vấn cao đều muốn đầu tư cho con cái mình học càng cao. Số liệu khảo sát cũng cho thấy một kết quả tương tự, những người có học vấn càng cao thì tỷ lệ mong muốn con cái mình có trình độ cao đẳng, đại học càng cao. Điều này được thể hiện khá rõ nét trong Biểu đồ 1.

Những người có học vấn từ cấp II trở xuống muốn con học hết cấp III chiếm khoảng 1/4 (24,3% con trai, con gái 23,5%) và mong con học đến cao đẳng, đại học tương đối thấp (72,6% con trai và con gái 70,6%). Ngược lại, những người có học vấn cao đẳng, đại học trở lên muốn con học hết cấp III chiếm tỷ lệ thấp hơn (10,6% đối với con trai và chỉ 6,5% đối với con gái)

nhưng mong muốn con học đến cao đẳng, đại học chiếm tỷ lệ cao (con trai 89,4% và con gái 93,6%). Những người có học vấn thấp, mong muốn con cái học hết cấp III đủ điều kiện vào làm ở các công ty, xí nghiệp hoặc học nghề. Như vậy, sẽ giảm bớt được một khoản kinh phí đầu tư học hành, đồng thời con cái họ sớm đi làm phụ giúp

thêm thu nhập cho gia đình. Còn những người có học vấn từ cấp III trở lên thì họ có nhận thức sâu sắc hơn, nếu con cái của họ học hết cao đẳng, đại học thì có tay nghề cao hơn, dễ tìm việc làm hơn và thu nhập cũng cao hơn.

Một yếu tố nữa ảnh hưởng khá mạnh đến việc định hướng học vấn của con cái mà



Biểu đồ 1. Mong muốn học vấn của con chia theo trình độ học vấn của người trả lời  
 Nguồn: Bộ số liệu đề tài cấp Bộ “Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ” trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ “Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ”.

Bảng 2. Mong muốn học vấn của con chia theo nhóm thu nhập, Tây Nam bộ 2008

Cấp học	Nhóm thấp nhất	Nhóm dưới trung bình		Nhóm trung bình		Nhóm trên trung bình		Nhóm cao nhất			
		n	%	n	%	n	%	n	%		
Cấp học con trai	Cấp II	9	5,0	6	3,3	1	0,6			1	0,6
	Cấp III	51	28,3	38	21,1	42	23,3	18	10,0	25	13,9
	Cao đẳng, đại học	120	66,7	136	75,6	137	76,1	162	90,0	154	85,6
Cấp học con gái	Cấp II	15	8,4	9	5,0	6	3,3	1	,6	2	1,1
	Cấp III	46	25,6	38	21,1	39	21,7	19	10,6	27	15,0
	Cao đẳng, đại học	119	66,1	133	73,9	135	75,0	160	88,9	151	83,9

Nguồn: Bộ số liệu đề tài cấp Bộ “Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ” trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ “Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ”.

nhiều nghiên cứu nhắc đến, đó chính là điều kiện kinh tế của mỗi gia đình. Những gia đình nào có điều kiện kinh tế khá giả thường đầu tư cho con cái học cao hơn, còn những gia đình nghèo thì gặp khó khăn hơn trong việc đầu tư học hành cho con cái, do vậy con cái họ thường phải nghỉ học sớm hơn (xem Bảng 2).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm có thu nhập thấp nhất mong muốn con trai học đến cao đẳng, đại học chỉ chiếm 66,7%, và con gái 66,1%. Ngược lại, đối với nhóm có mức sống trên trung bình hoặc khá giả thì họ mong muốn con trai học đến cao đẳng, đại học chiếm 85,6%, con gái là 83,9%.

Từ những cứ liệu trên, chúng tôi có thể nói rằng phần lớn người dân Đồng bằng sông Cửu Long đều mong muốn con mình học đến cao đẳng, đại học và không có sự phân biệt giới trong việc mong muốn học tập giữa con trai và con gái. Việc định hướng học hành của con cái chịu ảnh

hưởng khá lớn bởi hai yếu tố chính, đó là trình độ học vấn của cha mẹ và điều kiện kinh tế của gia đình.

#### 4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC MONG MUỐN NGHỀ NGHIỆP CHO CON CÁI

##### 4.1. Mong đợi của cha mẹ đến nghề nghiệp của con cái

Việc định hướng nghề nghiệp và học tập cho con cái có mối tương quan rất chặt chẽ với nhau, những người nào định hướng học tập cho con càng cao thì sẽ định hướng nghề nghiệp cho con mình rõ ràng hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu này không hoàn toàn như vậy, người dân Đồng bằng sông Cửu Long xác định rất rõ về học vấn của con mình, nhưng họ gặp khó khăn trong việc định hướng nghề nghiệp cho con cái mình. Trong đó có 42,7% cho rằng không biết cho con trai làm nghề gì, và 42,1% không biết cho con gái làm nghề gì (xem Bảng 3).

Bảng 3. Mong muốn nghề nghiệp đối với con cái, Tây Nam bộ 2008 (%)

	Chung		Đô thị		Nông thôn	
	Con trai	Con gái	Con trai	Con gái	Con trai	Con gái
Cán bộ viên chức nhà nước	4,7	3,6	7,2	6,1	4,0	2,9
Kỹ sư	10,7	1,3	13,3	3,9	7,9	0,7
Bác sĩ, y sĩ	12,6	12,3	11,1	13,3	12,9	12,1
Giáo viên	7,9	26,1	5,6	18,9	9,7	27,9
Thợ có tay nghề	9,0	6,8	5,6	3,3	10,7	7,6
Kinh doanh, buôn bán	2,7	2,3	1,7	2,2	2,9	2,4
Kế toán, tài chính	1,6	4,0	2,8	7,8	1,3	3,1
Làm nông	1,3	0,2	0,6	0,0	1,5	0,3
Công an, bộ đội	7,0	1,2	6,7	1,1	7,1	1,3
Không biết, không ý kiến	42,7	42,1	45,6	43,3	41,9	41,8

Nguồn: Bộ số liệu đề tài cấp Bộ “Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ” trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ “Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ”.

Bảng kết quả cũng cho thấy có sự khác biệt trong việc mong muốn nghề nghiệp cho con trai và con gái. Đối với con trai người dân muốn con mình làm những nghề mang tính kỹ thuật nhiều hơn như: bác sĩ chiếm 12,6%, kỹ sư 10,7% và thợ có tay nghề 9%. Còn con gái thì người dân thích con mình làm những công việc nhẹ nhàng phù hợp với nữ giới hơn như: giáo viên chiếm 26,1% và bác sĩ 12,3%.

Ngoài ra, người dân nông thôn và đô thị có những quan điểm tương đối khác nhau trong việc mong muốn nghề nghiệp cho con cái, nhất là đối với con trai. Những người sống ở đô thị muốn con trai làm những nghề như: kỹ sư 13,3% và bác sĩ 11,1%, và 2 nghề ít được chọn là kinh doanh, buôn bán chiếm 1,7% và làm ruộng chiếm 0,6%. Còn ở nông thôn muốn con trai làm nghề bác sĩ 12,9% và thợ có tay nghề 10,7% và những nghề ít được chọn là tài chính, kế toán 1,3% và làm ruộng 1,5%. Nhưng đối việc định hướng nghề nghiệp cho con gái hầu như không có sự khác biệt giữa nông thôn và đô thị. Trong đó có 2 nghề được nhiều người mong muốn con gái mình làm như: giáo viên (27,9% ở nông thôn và 18,9% ở thành thị) và bác sĩ (12,1% ở nông thôn và 13,3% ở thành thị), còn những nghề ít được người dân chọn là nghề mang tính kỹ thuật hoặc nặng nhọc như: kỹ sư (chiếm 3,9% ở thành thị và 0,7% ở nông thôn), công an, bộ đội (ở thành thị chiếm 1,1% và ở nông thôn chiếm 1,3%).

Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn của toàn quốc, phần lớn cư dân sống dựa vào nông nghiệp, nhưng họ lại không muốn con cái mình làm những nghề liên quan đến nông nghiệp. Điều này cho thấy

một xu hướng ly nông của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long, và họ mong muốn con cái mình làm những nghề mang tính kỹ thuật cao hơn, và ít gắn với nông nghiệp.

Để tìm hiểu rõ hơn về các yếu tố kinh tế-xã hội của gia đình ảnh hưởng như thế nào đến việc mong muốn nghề nghiệp cho con cái của họ, chúng tôi sẽ phân tích rõ hơn trong phần sau đây.

#### 4.2. Điều kiện kinh tế-xã hội của gia đình ảnh hưởng đến việc định hướng nghề cho con cái

Những nghiên cứu trước đây cho thấy có mối liên quan giữa học vấn và định hướng nghề nghiệp cho con cái của người dân. Những người có học vấn cao thì họ có định hướng nghề nghiệp cho con cái mình rất rõ ràng và thường mong muốn con làm những nghề đòi hỏi kỹ thuật cao, còn những người có học vấn thấp thì định hướng cho con làm những nghề mang tính kỹ thuật ít phức tạp hơn (Lê Mạnh Năm, 2000). Kết quả khảo sát ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa trình độ học vấn của người trả lời với mong muốn nghề nghiệp đối con cái họ (xem Bảng 4).

Những người có học vấn càng cao thì mong muốn con mình làm những nghề có tính kỹ thuật cao và được xã hội trọng vọng, còn những nghề ít kỹ thuật chiếm tỷ lệ thấp hơn. Ngược lại, những người có học vấn thấp cũng mong muốn con mình làm những nghề có kỹ thuật cao chiếm tỷ lệ thấp hơn, và mong muốn thợ có tay nghề chiếm tỷ lệ cao. Những người có học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên muốn con mình làm các nghề như: kỹ sư chiếm 11,7%,

bác sĩ chiếm 24,5% và giáo viên chiếm 19,1%. Còn những người có học vấn cấp I trở xuống mong muốn con làm các nghề như: giáo viên chiếm 15,6%, bác sĩ chiếm 10,5% và thợ có tay nghề chiếm 11,0%. Chúng tôi thấy ở đây, những người có học vấn cao đẳng, đại học muốn con mình làm thợ có tay nghề chiếm tỷ lệ rất thấp chỉ 2,1%, còn những người có học vấn từ cấp I trở xuống mong muốn con mình làm thợ có tay nghề chiếm tỷ lệ khá cao 11,0%.

Ngoài yếu tố học vấn của người trả lời, thì điều kiện kinh tế của gia đình cũng ảnh hưởng khá mạnh đến việc định hướng nghề nghiệp cho con. Những gia đình nào có mức sống khá giả thì mong muốn con mình làm những nghề có kỹ năng nghề nghiệp cao hơn, còn những gia đình nào có đời sống khó khăn thì mong muốn con

làm những nghề ít phức tạp chiếm tỷ lệ khá cao. Hơn nữa, những gia đình khá giả thì định hướng nghề nghiệp của con mình rõ ràng. Những gia đình có mức sống khá muốn con làm nghề giáo viên chiếm 18,6%, nghề bác sĩ chiếm 15,2% và không biết chọn nghề nào cho con còn lại 35,2%. Trong khi đó, những gia đình nghèo mong muốn con làm nghề giáo viên chiếm 16,6%, thợ có tay nghề chiếm 9,6% và không xác định nghề cho con chiếm đến 53,3%.

Chúng tôi thấy rằng, điều kiện kinh tế-xã hội gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc định hướng nghề nghiệp cho con cái họ sau này. Những gia đình khá giả, trình độ học vấn của cha mẹ càng cao thì mong muốn con mình làm những nghề mang tính kỹ năng tay nghề cao hơn, còn những gia

Bảng 4. Mong muốn nghề cho con chia theo học vấn và mức sống của gia đình, Tây Nam Bộ 2008 (%)

	Học vấn người trả lời				Mức sống của gia đình				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cao đẳng, đại học	Nhóm thấp nhất	Nhóm dưới trung bình	Nhóm trung bình	Nhóm trên trung bình	Nhóm cao nhất
Cán bộ nhà nước	4,5	3,25	3,65	7,45	3,9	4,15	4,45	3,9	4,2
Kỹ sư	3,0	5,0	9,85	11,7	5,6	6,1	5,55	6,4	8,05
Bác sĩ	10,3	12,6	15,7	24,5	6,9	12,8	9,7	17,5	15,2
Giáo viên	15,6	20,2	17,5	19,1	16,6	17,2	19,1	15,8	18,6
Thợ có tay nghề	11,0	6,5	5,4	2,1	9,4	9,4	9,7	6,9	5,5
Kinh doanh - buôn bán	2,3	2,6	1,8	4,3	1,1	2,5	2,2	2,7	3,8
Kế toán, tài chính	1,3	3,6	3,6	8,5	0,6	1,9	3,3	3,6	4,4
Làm nông nghiệp	1,2	1,4			0,8		1,7	1,7	1,1
Công an, bộ đội	3,9	5,2	6,6	2,1	4,4	4,7	2,2	5,0	4,1
Không biết	46,7	40,3	39,0	23,4	53,3	44,1	42,8	36,5	35,2

Nguồn: Bộ số liệu đề tài cấp Bộ "Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ" trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ "Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ".

Bảng 5. Tiêu chí chọn nghề cho con trai và con gái, Tây Nam Bộ 2008

	Con trai		Con gái	
	n	%	n	%
Có thu nhập cao	190	32,0	93	14,0
Có địa vị	62	10,4	38	5,7
Có quyền lực	18	3,0	9	1,4
Có uy tín	51	8,6	43	6,5
Công việc ổn định	121	20,4	129	19,5
Gần nhà	11	1,9	10	1,5
Phù hợp truyền thống gia đình	63	10,6	39	5,9
Công việc nhẹ nhàng	61	10,3	212	32,0
Phù hợp với sức khỏe	12	2,0	34	5,1
Phù hợp với khả năng	80	13,5	79	11,9
Phù hợp mong muốn của con	158	26,6	176	26,6
Có điều kiện chăm sóc gia đình	43	7,2	92	13,9
Lý do khác	57	9,6	102	15,4

*Nguồn:* Bộ số liệu đề tài cấp Bộ “Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ” trong Chương trình nghiên cứu cấp Bộ “Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ”.

đình nghèo, học vấn cha mẹ thấp thì mong con mình làm những nghề ít đòi hỏi kỹ năng hơn.

Để làm rõ nguyên nhân vì sao người dân định hướng nghề cho con như trên, chúng tôi sẽ phân tích sâu về lý do chọn nghề cho con cái của họ. Kết quả khảo sát cho thấy, có sự khác nhau trong việc định hướng nghề nghiệp cho con trai và con gái. Đối với con trai có xu hướng thiên về những nghề thu nhập cao (32,0%), phù hợp với mong muốn của con (26,6%) và nghề đó phải ổn định (20,4%). Nhưng đối với con gái là công việc nhẹ nhàng (32,0%), phù hợp với mong muốn của con (26,6%) và tính ổn định công việc (19,5%).

Như vậy quan niệm của người dân Đồng bằng sông Cửu Long về nghề nghiệp cho con trai và con gái tương đối khác nhau.

Đối với con trai họ là những người trụ cột chính trong gia đình nên tiêu chí quan trọng nhất trong nghề nghiệp là phải kiếm được nhiều tiền. Còn đối với con gái thì tiêu chí có thu nhập cao không quan trọng lắm, mà công việc phải nhẹ nhàng và phù hợp với mong muốn của con. Theo bảng số liệu thì quyền lực hay tiêu chí gần nhà ít được chọn nhất.

## 5. KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên đây, bài viết đưa ra những kết luận như sau.

*Thứ nhất*, người dân Đồng bằng sông Cửu Long đã có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng trong việc mong muốn học hành cho con em mình. Vì vậy, phần lớn người dân mong muốn con cái của mình có trình độ học vấn cao đẳng, đại học trở lên và không có sự khác biệt giữa việc mong muốn học



hành cho con trai và con gái. Điều này sẽ giúp cho con cái của họ có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm việc và tăng thu nhập cho gia đình.

*Thứ hai*, điều kiện kinh tế-xã hội của gia đình và trình độ học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng rất lớn trong việc mong muốn học hành cho con cái của mình. Những gia đình nào có kinh tế khá giả, trình độ học vấn của cha mẹ cao thì mong muốn con mình học ở những bậc học cao hơn, còn những gia đình nghèo, trình độ học vấn thấp thì họ ít mong muốn con cái mình học cao lên.

*Thứ ba*, khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn và đô thị trong việc mong muốn học hành cho con cái đang có xu hướng giảm xuống rõ rệt. Điều này cho thấy, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội ở nông thôn ngày được cải thiện, nhận thức của người dân ngày được nâng cao hơn. Người nông dân đã coi nâng cao học vấn cho con là điều kiện để cải thiện cuộc sống gia đình.

*Thứ tư*, trong việc mong muốn nghề nghiệp cho con cái, phần lớn người dân đều mong muốn con cái mình làm những nghề đòi hỏi kỹ thuật cao như bác sỹ, kỹ sư và giáo viên. Nhưng có sự khác nhau trong việc mong muốn nghề nghiệp cho con trai và con gái, đối với con trai họ mong muốn con cái họ làm những nghề mang tính kỹ thuật cao, thu nhập cao và công việc ổn định. Còn đối với con gái, người dân mong con mình có công việc ổn định và phù hợp với sức khỏe và khả năng. Một điều đáng lưu ý nữa, trong việc mong muốn nghề nghiệp cho con cái thì tỷ lệ

người dân muốn con mình làm những nghề đóng góp cho cộng đồng, xã hội chiếm tỷ lệ rất cao. □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Belanger, Daniele and Liu. 2004. *Social Policy Reforms and Daughter's Schooling in Vietnam*. International Journal of Education Development No 24.
2. Bộ tài liệu đề tài cấp Bộ "Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội vùng Tây Nam Bộ" do Lê Thanh Sang làm chủ nhiệm. Trong: Chương trình nghiên cứu cấp Bộ "Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển của vùng Tây Nam Bộ". Chủ nhiệm Bùi Thế Cường.
3. Cao Phong. 2005. *Nguồn nhân lực Đồng bằng sông Cửu Long: Vấn đề trí thức*. Sài Gòn Giải phóng Online.
4. Lê Mạnh Năm. 2000. *Vai trò của gia đình nông thôn Đồng bằng sông Hồng trong vấn đề giải quyết việc làm cho con cái*. Tạp chí Xã hội học. Số 2.
5. Lê Thúy Hằng. 2004. *Khác biệt giới trong việc đầu tư cho con cái học hành*. Tạp chí Xã hội học. Số 2.
6. Nguyễn Chí Dũng. 2006. *Kiểu loại gia đình và giáo dục trẻ em trong gia đình Hà Nội hiện nay*. Tạp chí Xã hội học. Số 2.
7. Nguyễn Thu Nguyệt và đồng nghiệp. 2006. *Bất bình đẳng giới về thu nhập của người lao động ở Việt Nam và một số gợi ý giải pháp và chính sách*. Báo cáo đề tài cấp Bộ.
8. Tổng cục Thống kê. 2006. *Niên giám thống kê*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
9. Võ Hùng Dũng. 2005. *Không có thợ giỏi làm sao phát triển được công nghiệp*. Vietnamnet. 10/10/2005.